

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy lợi
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 88/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy lợi áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục các thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế 19 thủ tục hành chính tại Mục 7 Phần I; 05 thủ tục hành chính tại Mục 3 Phần II; 03 thủ tục hành chính tại Mục 1 Phần III Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ -UBND ngày 05 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố (để thực hiện);
- UBND các xã, phường, thị trấn (để thực hiện);
- Viễn Thông Kon Tum (để phối hợp);
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 19 TTHC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
1	1.004427.000.00.00.H34	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
2	2.001796.000.00.00.H34	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x

3	2.001795. 000.00.00. H34	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
4	2.001793. 000.00.00. H34	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND cấp tỉnh	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
5	1.004385. 000.00.00. H34	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
6	2.001791. 000.00.00. H34	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
7	1.003921. 000.00.00. H34	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ;	x	x	x

						- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.			
8	1.003893.000.00.00. H34	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
9	1.003880.000.00.00. H34	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
10	1.003870.000.00.00. H34	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
11	1.003867.000.00.00. H34	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh quản lý	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	x	x	x

12	2.001426. 000.00.00. H34	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
13	2.001401. 000.00.00. H34	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
14	2.001804. 000.00.00. H34	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND cấp tỉnh quản lý	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP, ngày 04/9/2018 của Chính Phủ. - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ NN&PTNT.	x	x	x

15	1.003232. 000.00.00. H34	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	x	x	x
16	1.003221. 000.00.00. H34	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
17	1.003211. 000.00.00. H34	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13, ngày 19/6/2013. - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ - Tiêu chuẩn kỹ thuật TCKT 03:2015/TCTL.	x	x	x
18	1.003203. 000.00.00. H34	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x
19	1.003188. 000.00.00. H34	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP, ngày 04/9/2018 của Chính Phủ.	x	x	x

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 05 TTHC

ST T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Dịch vụ bưu chính
1	2.001627. 000.00.00 .H34	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	30 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/5/2018 của Bộ NN&PTNT	x	x	x
2	1.003471. 000.00.00 .H34	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	x	x	x
3	1.003459. H34	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	x	x	x
4	1.003456. H34	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;	x	x	x

		của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)		quả cấp huyện		- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ			
5	1.003347.000.00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	30 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ	x	x	x

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 03 TTHC

ST T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Dịch vụ bưu chính
1	1.003446.000.00.00.H34	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13, ngày 19/6/2013. - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Tiêu chuẩn kỹ thuật TCKT03:2015/TCTL.	x	x	x

2	1.003440. 000.00.00. H34	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ	x	x	x
3	2.001621. 000.00.00. H34	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ	x	x	x

Tổng cộng: 27 thủ tục hành chính